

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 11/12/2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Phương Dung**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Dương Văn Nhuận**

- Ông **Đinh Quang Trung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hậu** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 242/2025/TLST – HNGĐ ngày 14/10/2025, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mai S, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số B B, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1961; nơi đăng ký TT: Số B Y, phường E (nay là phường C - Đ), tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: P Chung cư A- N, phường C - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 17 tháng 9 năm 2025; bản tự khai và biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Mai S trình bày:* Bà và ông Phạm Văn Đ kết hôn năm 1992 tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố Đ (nay là phường C - Đ), tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông Đ có hai người con chung là: Phạm Nguyễn Duy C, sinh năm 1993 và Phạm Nguyễn Việt H, sinh năm 2000. Các con bà đã trưởng thành, đều có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là ông Phạm Văn Đ trình bày: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mai S, vợ chồng ông đã sống ly thân, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn. Ông đề nghị Toà án không hoà giải và cho ông được vắng mặt cho đến khi vụ án được giải quyết xong vụ án.

- Về con chung: Ông và bà S có hai người con chung là: Phạm Nguyễn Duy C, sinh năm 1993 và Phạm Nguyễn Việt H, sinh năm 2000. Các con ông đã trưởng thành, đều có gia đình riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do bị đơn đề nghị Toà án không hoà giải và xin được vắng mặt cho đến khi Toà án giải quyết xong vụ án nên Toà án đã không tiến hành hoà giải được và Toà án đã ban hành các văn bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không có ý kiến gì.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho bà Nguyễn Thị Mai S được ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Mai S phải chịu tiền án hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mai S đối với ông Phạm Văn Đ là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn cư trú tại phường C - Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các bên đương sự vắng mặt (đều có đơn xin xét xử vắng mặt) nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào Trích lục kết hôn (bản sao) số 269/2025/TLKH-BS ngày 10/10/2025 của UBND phường C – Đ, tỉnh Lâm Đồng và ý kiến trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mai S đối với ông Phạm Văn Đ là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mai S đối với ông Phạm Văn Đ: Các bên đều xác định vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, bị đơn cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở để xem xét.

[4]. Về con chung: Các đương sự cùng xác định, có 02 con chung là Phạm Nguyễn Duy C, sinh năm 1993 và Phạm Nguyễn Việt H, sinh năm 2000. Các con chung đã trưởng thành, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mai S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mai S: Bà Nguyễn Thị Mai S và ông Phạm Văn Đ được ly hôn.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mai S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005055 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự số 1 – Lâm Đồng (bà S đã nộp đủ).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 1 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 1 – Lâm Đồng;
- UBND phường Cam Ly – Đà Lạt (phường 5 cũ);
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phương Dung

\

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ